

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ X
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/HSST

Ngày: 29/9/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Nguyễn Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã X;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017, tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử lưu động vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2017/TLST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/HSST-QĐ ngày 15/9/2017 đối với các bị cáo :

1. T (tên gọi khác: T đen), sinh năm: 1985 tại Đắk Nông; Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, phường P, TX. X, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: P 17, H2, phường X, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng ngân hàng S, phường N, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Con ông M, sinh năm 1958 và con bà C, sinh năm 1962; có chồng là K (đã ly hôn) và 01 con 6 tuổi; Bị bắt tạm giữ ngày 16/7/2017, hiện đang bị tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

2. H (tên gọi khác: Bi), sinh năm 1996, tại Đắk Lắk; trú tại: Tổ 2, phường N, TX. X, tỉnh Đắk Nông; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông V, sinh năm 1958 và con bà T, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Bị bắt tạm giữ ngày 14/7/2017, hiện đang bị tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào lúc 02 giờ 30 phút, ngày 14/7/2017 tại tổ 10, phường N, thị xã X, tỉnh Đắk Nông. Cơ quan CSĐT Công an thị xã X bắt quả tang H đang cầm giữ trên tay một hộp giấy kích thước (10,2 x 19,1)cm, bên ngoài có ghi “T X ĐẮKNÔNG SĐT 01647867347 L 0988743737”, bên trong chứa các chất nghi là ma túy, gồm 01 túi

nylon chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 túi nylon chứa 20 viên nén hình tròn, màu xanh, mặt trên in hình vương miện. Số ma túy này H mua của T từ thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng và chia nhỏ bán lại cho các con nghiện kiếm lời. Việc mua bán cụ thể như sau: Ngày 13/7/2017, H gọi điện thoại cho T để mua ma túy gồm 20 viên thuốc lắc và hộp 5 khay Ketamine. Hai bên thỏa thuận chuyển trước số tiền 3.000.000đ. H đến Ngân hàng S, chi nhánh Đắc Nông gửi vào tài khoản số 060140855181 của T 3.000.000đ. Cùng ngày, T mua của một đối tượng tên Bi (chưa xác định được nhân thân) 40 viên thuốc lắc và 01 hộp 10 khay Ketamine, chia làm hai phần bằng nhau với giá tổng cộng 20.800.000đ (T dùng số tiền 3.000.000đ mà H chuyển khoản trả cho Bi, còn lại 17.800.000đ T chưa thanh toán hết cho Bi). T lấy một phần gồm 20 viên thuốc lắc và một hộp 5 khay Ketamine gửi về bán cho H theo xe khách H với giá 10.900.000đ. Đến 02 giờ 30 phút ngày 14/7/2017 tại tổ 10, phường N khi H vừa nhận số ma túy nói trên thì bị bắt quả tang cùng tang vật vụ án. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại P 17, H2, phường X, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra thu giữ được: 01 túi nylon bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng; 25 viên nén hình tròn màu xanh, trên mỗi viên có in hình vương miện; 18 viên thuốc dạng con nhộng màu đỏ - xanh; 08 viên nén hình tròn, màu hồng; 01 điện thoại Iphone 6 plus, màu vàng, số IMEL 354392061815026, gắn sim số 0988743737; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 6.200.000đ. Số ma túy này T tàng trữ với mục đích bán kiếm lời.

Quá trình điều tra, ngoài lần phạm tội nêu trên thì H, T còn khai nhận, trước đó H, T đã thực hiện 02 lần mua bán ma túy, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Do trước đó H và T có nói chuyện với nhau qua mạng xã hội Facebook, hai bên trao đổi số điện thoại cho nhau. Đến khoảng đầu tháng 7/2017 H chủ động gọi điện thoại cho T để mua 10 viên thuốc lắc và một hộp 05 khay Ketamine, tổng số tiền là 8.500.000đ. Cùng ngày, H gửi trước cho T số tiền 5.000.000đ, còn nợ lại số tiền 3.500.000đ. Sau đó, T liên hệ với một đối tượng tên Bi (là người đã bán ma túy cho T vào ngày 13/7/2017) để mua số lượng ma túy như H đã đặt mua, với giá tổng cộng là 8.000.000đ (T đã trả hết cho Bi số tiền này) và gửi về thị xã X theo xe khách H cho H. T được hưởng lợi 500.000đ.

Lần thứ hai: Sau lần thứ nhất khoảng 01 tuần thì H gọi điện thoại cho T mua 20 viên thuốc lắc và một hộp 03 khay Ketamine, tổng số tiền là 7.500.000đ. Cùng ngày H gửi trước cho T 3.000.000đ. Ngày hôm sau, H gửi tiếp cho T 2.000.000đ, nợ lại 2.500.000đ; cộng với số tiền 3.500.000đ nợ của lần đầu là 6.000.000đ. Còn T liên hệ với đối tượng Bi (là người đã bán ma túy cho T vào ngày 13/7/2017) để mua số lượng ma túy trên với giá tổng cộng là 7.000.000đ và gửi về thị xã X theo xe khách H cho H. T được hưởng lợi 500.000đ.

Ngày 11/7/2017, H gửi cho T số tiền 5.900.000đ qua tài khoản S của T. Còn lại 100.000đ, hai bên tự ngầm hiểu với nhau là cho luôn, không còn nợ nữa.

Số ma túy H mua của Q, H dùng để sử dụng và bán lại cho các con nghiện tại địa bàn thị xã X để kiếm lời. Cụ thể như sau:

H bán 01 viên thuốc lắc cho V sinh năm 1989, có hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giá 380.000đ để sử dụng. H được hưởng lợi 180.000đ. Ngày 13/7/2017, V có gọi điện đặt mua 01 viên thuốc lắc cũng với giá trên nhưng H chưa kịp lấy ma túy về để bán thì bị Cơ quan điều tra bắt giữ.

H bán 04 viên thuốc lắc cho L sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giá 300.000đ/01 viên để sử dụng. H được hưởng lợi 400.000đ.

H bán 05 viên thuốc lắc cho X, chỗ ở: Tổ 3, phường T, thị xã X giá 350.000đ/01 viên để sử dụng. H được hưởng lợi 750.000đ.

Số ma túy còn lại bản thân H đã sử dụng và bán lại cho các con nghiện khác chưa xác định được nhân thân.

Qua các lần mua bán ma túy, H được hưởng lợi tổng số tiền 1.330.000đ, T được hưởng lợi tổng số tiền 1.000.000đ. Số tiền này H, T đã tiêu xài hết.

Tại kết luận giám định số 489/C54C (Đ4) ngày 21/7/2017 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng kết luận:

- Gói niêm phong số 01 thu giữ của H, gồm:

- + Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) là ma túy loại Ketamine, có trọng lượng 4,659 gam.

- + 20 viên nén hình tròn, màu xanh, trên mỗi viên có in hình vương miện là ma túy loại MDMA, có trọng lượng 6,412 gam.

- Gói niêm phong số 02 thu giữ của T, gồm:

- + Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) là ma túy loại Ketamine, có trọng lượng 4,794 gam.

- + 25 viên nén hình tròn, màu xanh, trên mỗi viên có in hình vương miện là ma túy loại MDMA, có trọng lượng 7,984 gam.

- + Chất rắn màu trắng (dạng tinh thể) bên trong có 18 viên thuốc dạng con nhộng, màu đỏ - xanh là ma túy loại MDMA, có trọng lượng 2,450 gam.

- + 08 viên nén hình tròn màu hồng có trọng lượng 3,861 gam, đều không tìm thấy các chất ma túy, tiền chất thường gặp.

Như vậy, tổng số ma túy H thực hiện mua bán thu giữ được là: 4,659 gam + 6,926 gam = 11,071 gam; tổng số ma túy T thực hiện mua bán thu giữ được là: 11,071 gam + 4,794 gam + 7,984 gam + 2,450 gam = 26, 299 gam.

Tại bản Cáo trạng số 49/CTr – VKS ngày 12/9/2017, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã X truy tố bị cáo T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật

hình sự và bị cáo H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, kết luận: T và H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm b, m khoản 2 Điều 194; các điểm p, o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T từ 8 năm đến 8 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm p, o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Việc xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự : Tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong phong bì số 489/C54C(Đ4), gồm:

Mẫu ký hiệu số 01 gồm có 4,102 gam mẫu chất rắn màu trắng, dạng tinh thể; 5,447 gam mẫu viên nén hình tròn màu xanh;

Mẫu ký hiệu số 02 gồm có 4,328 gam mẫu chất rắn màu trắng, dạng tinh thể; 6,926 gam mẫu viên nén hình tròn màu xanh; 2,049 gam chất rắn màu trắng dạng tinh thể bên trong 18 viên thuốc dạng con nhộng; 2,7751 gam viên nén hình tròn, màu hồng.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số seri 1: 358906071053827; số seri 2: 358906071053835, gắn sim số 01647867347 của H; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu vàng, số IMEL: 354392061815026, gắn sim số 0988743737 của T, dùng vào mục đích phạm tội.

Truy thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 1.330.000đ của H, số tiền 1.000.000đ của T do mua bán phạm tội mà có.

Đề nghị chấp nhận ngày 29/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã X đã lập biên bản trả lại số tiền 6.200.000đ cho bà C là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7 đến ngày 13/7/2017, T, H đã nhiều lần thực hiện mua bán trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo T 03 lần bán cho H, tổng trọng lượng ma túy T mua bán là 26,299 gam. H 06 lần mua, bán, trong đó 03 lần mua của T và 03 lần bán cho V, L, X, tổng trọng lượng ma túy mua, bán là 11,071gam. Số ma túy mà T mua bán

là ma túy loại Ketamine và ma túy loại MDMA đều được giám định là ma túy khác ở thể rắn. Theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ ban hành các danh mục chất ma túy và tiền chất, quy định: MDMA là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 22; Ketamine là chất hướng thần nằm trong danh mục III, số thứ tự 35.

Vì vậy, có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự và bị cáo H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự:

Tại điểm b, m khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự quy định:

1. *Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:*

a).....

b) *Phạm tội nhiều lần;*

m) *Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai mươi gam đến dưới một trăm gam.*

...

Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà Nước về quản lý các chất ma túy; gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an ở địa phương. Các bị cáo nhận thức được Nhà nước nghiêm cấm và pháp luật trừng trị rất nghiêm khắc đối với những hành vi mua bán trái phép chất ma túy cũng như những tác hại, hậu quả của nó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Nhưng do lối sống buông thả vì động cơ muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần. Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất lớn, gây tác hại rất xấu cho xã hội về nhiều mặt. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc thì mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo T thực hiện hành vi bán ma túy cho bị cáo H nhiều lần với tổng trọng lượng nhiều hơn bị cáo H. Do đó, cần xử phạt bị cáo T mức hình phạt cao hơn so với bị cáo H để giáo dục, cải tạo các bị cáo.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện khai báo những lần phạm tội trước nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, o khoản 1 Điều 46

của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Đối với V, L, X mua ma túy của H để sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã X đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với đối tượng tên Bi bán ma túy cho T và các đối tượng mua ma túy của H, hiện chưa xác định được nhân thân. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã X tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi dịch vụ vận chuyển ma túy từ Thành phố Hồ Chí Minh về thị xã X của xe khách H, do không biết hàng vận chuyển là ma túy nên không đề cập xử lý.

Việc xử lý vật chứng : Căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong phong bì số 489/C54C(Đ4), gồm:

Mẫu ký hiệu số 01 gồm có 4,102 gam mẫu chất rắn màu trắng, dạng tinh thể; 5,447 gam mẫu viên nén hình tròn màu xanh;

Mẫu ký hiệu số 02 gồm có 4,328 gam mẫu chất rắn màu trắng, dạng tinh thể; 6,926 gam mẫu viên nén hình tròn màu xanh; 2,049 gam chất rắn màu trắng dạng tinh thể bên trong 18 viên thuốc dạng con nhộng; 2,7751 gam viên nén hình tròn, màu hồng.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số seri 1: 358906071053827; số seri 2: 358906071053835, gắn sim số 01647867347 của H; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu vàng, số IMEL: 354392061815026, gắn sim số 0988743737 của T, dùng vào mục đích phạm tội.

Bị cáo H thu lợi từ việc mua bán ma túy là 1.330.000đ và bị cáo T được lợi từ việc mua bán ma túy là 1.000.000đ nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Chấp nhận ngày 29/8/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã X đã lập biên bản trả lại số tiền 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) cho bà C là chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo T và H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b , m khoản 2 Điều 194; điểm o , p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 16/7/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 14/7/2017.

2. Việc xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong phong bì số 489/C54C(Đ4)

(Có đặc điểm như trong biên bản giao, nhận vật chứng), gồm:

Mẫu ký hiệu số 01 gồm có 4,102 gam mẫu chất rắn màu trắng, dạng tinh thể; 5,447 gam mẫu viên nén hình tròn màu xanh.

Mẫu ký hiệu số 02 gồm có 4,328 gam mẫu chất rắn màu trắng, dạng tinh thể; 6,926 gam mẫu viên nén hình tròn màu xanh; 2,049 gam chất rắn màu trắng dạng tinh thể bên trong 18 viên thuốc dạng con nhộng; 2,7751 gam viên nén hình tròn, màu hồng.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số seri 1: 358906071053827; số seri 2: 358906071053835, gắn sim số 01647867347 của H; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus màu vàng, số IMEL: 354392061815026, gắn sim số 0988743737 của T.

Buộc bị cáo H phải nộp số tiền 1.330.000đ (một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng); T phải nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí: Buộc bị cáo T và H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TX X;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA. TX. X;
- Công an TX X;
- Chi cục THADS TX X;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yến